

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

---

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Trình độ đào tạo: *Đại học*

Ngành đào tạo: *Giáo dục Tiểu học*

Tên tiếng Anh:

Tên các chuyên ngành:

Mã ngành: *D140202*

Loại hình đào tạo: *Chính quy*

Hình thức đào tạo: *Tập trung*

Số: 7172/QĐ-ĐHQN

Bình Định, ngày 25 tháng 12 năm 2015

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Chương trình đào tạo  
trình độ đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

Căn cứ Quyết định số 1842/QĐ ngày 21/12/1997 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục về việc thành lập cơ sở Đại học Sư phạm Quy Nhơn; Quyết định số 02/HĐBT ngày 13/7/1981 về việc thành lập Trường Đại học Quy Nhơn; Quyết định số 221/2003/QĐ-TTg ngày 30/10/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Sư phạm Quy Nhơn thành Trường Đại học Quy Nhơn;

Căn cứ quy định về nhiệm vụ và quyền hạn của Hiệu trưởng trường đại học trong “Điều lệ trường đại học” ban hành kèm theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Theo đề nghị của Hội đồng Khoa học và Đào tạo,

## QUYẾT ĐỊNH:

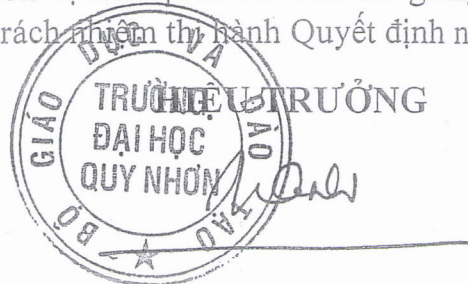
**Điều 1.** Ban hành các Chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của 37 ngành trong danh sách kèm theo.

**Điều 2.** Các chương trình đào tạo này thay thế cho các chương trình giáo dục đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 1523/QĐ-ĐHQN ngày 10/9/2010 và Quyết định số 3258/QĐ-ĐHQN ngày 13/12/2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn.

**Điều 3.** Các Trưởng khoa, Trưởng đơn vị liên quan và toàn thể giảng viên, sinh viên thuộc Trường Đại học Quy Nhơn chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này. /g

Nơi nhận: *W*

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐTĐH.



GS.TS. Nguyễn Hồng Anh



DANH SÁCH CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC  
HỆ CHÍNH QUY THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 7172/QĐ-ĐHQN ngày 25/12/2015)

STT	Tên ngành đào tạo	Mã số ngành đào tạo
1	Sư phạm Toán học	D140209
2	Sư phạm Vật lí	D140211
3	Sư phạm Hóa học	D140212
4	Sư phạm Tin học	D140210
5	Sư phạm Sinh học	D140213
6	Sư phạm Ngữ văn	D140217
7	Sư phạm Lịch sử	D140218
8	Sư phạm Địa lí	D140219
9	Giáo dục chính trị	D140205
10	Sư phạm Tiếng Anh	D140231
11	Giáo dục Tiểu học	D140202
12	Giáo dục thể chất	D140206
13	Giáo dục mầm non	D140201
14	Toán học	D460101
15	Công nghệ thông tin	D480201
16	Vật lí học	D440102
17	Hóa học	D440112
18	Sinh học	D420101
19	Quản lí đất đai	D850103
20	Địa lí tự nhiên	D440217
21	Văn học	D220330
22	Lịch sử	D220310
23	Tâm lí học giáo dục	D310403
24	Công tác xã hội	D760101
25	Quản lý giáo dục	D140114
26	Việt Nam học	D220113
27	Quản lí nhà nước	D310205
28	Ngôn ngữ Anh	D220201
29	Quản trị kinh doanh	D340101
30	Kinh tế	D310101
31	Kế toán	D340301
32	Tài chính - Ngân hàng	D340201
33	Kĩ thuật điện, điện tử	D520201
34	Kĩ thuật điện tử, truyền thông	D520207
35	Công nghệ kĩ thuật xây dựng	D510103
36	Nông học	D620109
37	Công nghệ Kỹ thuật Hóa học	D510401

Danh sách có 37 ngành./.

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 7172 ngày 25 tháng 12 năm 2015  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Giáo dục Tiểu học

Mã ngành: D140202

Tên tiếng Anh:

Tên các chuyên ngành:

Loại hình đào tạo: Chính quy

Hình thức đào tạo: Tập trung

### 1. Mục tiêu đào tạo

**1.1. Mục tiêu chung:** Đào tạo cử nhân Giáo dục tiểu học nhằm đáp ứng những yêu cầu đổi mới của giáo dục tiểu học trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Sinh viên tốt nghiệp phải có tư tưởng chính trị, phẩm chất đạo đức tốt, có đủ sức khỏe, có năng lực dạy học, giáo dục học sinh theo các yêu cầu đổi mới của giáo dục tiểu học, có khả năng dạy tốt chương trình tiểu học, nghiên cứu khoa học giáo dục, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ, đáp ứng yêu cầu của giáo dục tiểu học trong những thập kỷ tới.

Sinh viên tốt nghiệp hệ đào tạo này có thể tiếp tục học lên các trình độ thạc sĩ, tiến sĩ về Giáo dục tiểu học, Quản lý giáo dục và có khả năng trở thành giáo viên cốt cán của cấp tiểu học.

### 1.2. Mục tiêu cụ thể:

#### 1.2.1. Kiến thức:

- Có kiến thức giáo dục đại cương đủ rộng, nắm vững các kiến thức chuyên môn, bảo đảm dạy tốt các môn học và các hoạt động giáo dục, được nâng cao về 3 môn Toán, Tiếng Việt, Tự nhiên – Xã hội.

- Có kiến thức cơ bản về Tâm lý học, Giáo dục học, Phương pháp dạy học, Đánh giá kết quả học tập ở tiểu học.

- Có kiến thức cơ bản về Chủ nghĩa Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, hiểu biết những chính sách, chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước về phát triển kinh tế xã hội, giáo dục, văn hóa của đất nước.

- Có hiểu biết về Quản lý hành chính nhà nước và Quản lý ngành. Có kiến thức phổ thông về môi trường, dân số, an ninh – quốc phòng, an toàn giao thông, về quyền trẻ em, y tế học đường để có thể thực hiện giáo dục tích hợp.

#### 1.2.2. Kỹ năng:

- Biết lập kế hoạch giáo dục cho từng học kỳ và năm học, lập kế hoạch bài học theo định hướng đổi mới PPDH, đổi mới phương pháp kiểm tra, đánh giá ở tiểu học.

- Biết tổ chức các hoạt động dạy học phù hợp với điều kiện cụ thể. Biết dạy cho học sinh phương pháp học tập, tự học, tự đánh giá. Biết sử dụng các phương tiện, công nghệ dạy học, công nghệ thông tin vào quá trình dạy học.

- Có thể dạy lớp ghép, dạy học sinh khuyết tật, tàn tật theo hướng hòa nhập.



- Biết làm công tác chủ nhiệm lớp, Đội Thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh. Có khả năng giáo dục học sinh cá biệt. Biết lập sổ sách, xây dựng và lưu trữ hồ sơ cho học sinh.

- Biết giao tiếp và ứng xử thích hợp với học sinh, gia đình học sinh, với đồng nghiệp và các tầng lớp nhân dân trong cộng đồng.

### 1.2.3. Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm:

- Yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, chấp hành các chủ trương chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước và của ngành.

- Yêu nghề dạy học, thương yêu, tôn trọng, chăm sóc, đối xử công bằng với mọi học sinh, được học sinh tin yêu.

- Có tinh thần trách nhiệm trong công tác, có lối sống lành mạnh, trung thực, giản dị, biết đoàn kết, hợp tác, khiêm tốn học hỏi đồng nghiệp, có quan hệ tốt với gia đình học sinh và cộng đồng, biết vận động các lực lượng trong và ngoài nhà trường thực hiện xã hội hóa giáo dục.

- Có ý thức chủ động tự học, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, thường xuyên rèn luyện sức khỏe.

## 2. Chuẩn đầu ra:

### \* Về kiến thức

- *Kiến thức chung :*

+ Có kiến thức cơ bản về Chủ nghĩa Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, hiểu biết những chính sách, chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước về phát triển kinh tế xã hội, giáo dục, văn hóa của đất nước.

+ Có kiến thức cơ bản về Tâm lý học đại cương, Giáo dục học đại cương, Phương pháp dạy học.

- *Kiến thức chuyên ngành :*

+ Có kiến thức toàn diện, hiện đại đảm bảo cho nhu cầu phát triển và hội nhập của giáo dục hiện nay; có hiểu biết khoa học rộng và sâu, căn bản và chuyên nghiệp.

+ Có các kiến thức chuyên môn, bảo đảm dạy tốt các môn học và các hoạt động giáo dục, được nâng cao về 3 môn Toán, Tiếng Việt, Tự nhiên – Xã hội.

+ Có kiến thức cơ bản về Tâm lý học tiểu học, Giáo dục học tiểu học, Phương pháp dạy học tiểu học, Đánh giá kết quả học tập ở tiểu học.

- *Kiến thức bổ trợ:*

+ Có hiểu biết về Quản lý hành chính nhà nước và Quản lý ngành. Có kiến thức phổ thông về môi trường, dân số, an ninh – quốc phòng, an toàn giao thông, về quyền trẻ em, y tế học đường để có thể thực hiện giáo dục tích hợp.

- *Kiến thức thực tập và tốt nghiệp :*

+ Thực hiện đạt kết quả thực tập sư phạm 1 và thực tập sư phạm 2.

+ Các học phần môn học và các học phần môn thay thế thi tốt nghiệp phải đảm bảo đủ tiêu chuẩn đạt.

### \* Về kỹ năng

- *Kỹ năng nghề nghiệp :*

+ Biết lập kế hoạch giáo dục cho từng học kỳ và năm học, lập kế hoạch bài học theo định hướng đổi mới PPDH, đổi mới phương pháp kiểm tra, đánh giá ở tiểu học.

+ Biết tổ chức các hoạt động dạy học phù hợp với điều kiện cụ thể. Biết dạy cho học sinh phương pháp học tập, tự học, tự đánh giá. Biết sử dụng các phương tiện, công nghệ dạy học, công nghệ thông tin vào quá trình dạy học.

+ Có thể dạy lớp ghép, dạy học sinh khuyết tật, tàn tật theo hướng hòa nhập.



+ Biết làm công tác chủ nhiệm lớp, Đội Thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh. Có khả năng giáo dục học sinh cá biệt. Biết lập sổ sách, xây dựng và lưu trữ hồ sơ cho học sinh.

- *Kỹ năng mềm* :

+ Biết giao tiếp và ứng xử thích hợp với học sinh, gia đình học sinh, với đồng nghiệp và các tầng lớp nhân dân trong cộng đồng.

**\* Về thái độ và đạo đức nghề nghiệp**

- *Phẩm chất đạo đức cá nhân* :

+ Yêu nghề dạy học, thương yêu, tôn trọng, chăm sóc, đối xử công bằng với mọi học sinh, được học sinh tin yêu.

+ Có tinh thần trách nhiệm trong công tác, có lối sống lành mạnh, trung thực, giản dị, biết đoàn kết, hợp tác, khiêm tốn học hỏi đồng nghiệp, có quan hệ tốt với gia đình học sinh và cộng đồng, biết vận động các lực lượng trong và ngoài nhà trường thực hiện xã hội hóa giáo dục.

- *Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp* :

+ Có ý thức chủ động tự học, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, thường xuyên rèn luyện sức khỏe.

- *Phẩm chất đạo đức xã hội* :

+ Yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, chấp hành các chủ trương chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước và của ngành.

**3. Thời gian đào tạo và khối lượng kiến thức toàn khóa:**

- Thời gian đào tạo 04 năm.

- Khối lượng kiến thức toàn khóa là 135 tín chỉ (không tính các môn học Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng – An ninh)

**4. Đối tượng tuyển sinh**

Theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành (tại thời điểm tuyển sinh).

**5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp**

**5.1. Quy trình đào tạo:** Đào tạo theo hệ thống tín chỉ.

**5.2. Điều kiện tốt nghiệp:** Theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quy định đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Quy Nhơn.

**6. Thang điểm**

Theo Quy định đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Quy Nhơn.

**7. Nội dung chương trình**

TT	Mã học phần	Tên học phần	Học kỳ	Số tín chỉ	Giờ trên lớp			TN/TH	Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã HP học trước	Khoa quản lý học phần	Ghi chú
					LT	BT	TL						
<b>I. Khối kiến thức chung</b>					<b>24 TC (không tính các học phần điều kiện GDTC, GDQP-AN)</b>								
1	1130045	Những NLCB của CN Mác Lênin 1	1	2	20		20			50		GDCT - QLNN	
2	1130046	Những NLCB của CN Mác Lênin 2	2	3	30		30			75	1130045	GDCT - QLNN	
3	1130091	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	2	20		20			50	1130046	GDCT - QLNN	



4	1130013	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	4	3	30		30		75	1130091	GDCT - QLNN
5	1130049	Pháp luật đại cương	3	2	20		20		50	1130045	GDCT - QLNN
6	1090061	Tiếng Anh 1	1	3	30	15			90		NN
7	1090166	Tiếng Anh 2	2	4	40	20			120	1090061	NN
8	1050071	Tin học đại cương	1	3	24	6		30	75		CNTT
9	1110159	Tâm lý học đại cương	1	2	25		10		55		GDTH & MN
<b>Các học phần điều kiện (GDTC, GDQP-AN) 12 TC</b>											
10	1120001	Giáo dục thể chất 1	1	1	4			26	21		GDTC-QP
11	1120002	Giáo dục thể chất 2	2	1	4			26	21		GDTC-QP
12	1120003	Giáo dục thể chất 3	3	1	4			26	21		GDTC-QP
13	1120004	Giáo dục thể chất 4	4	1	4			26	21		GDTC-QP
14	1120095	Giáo dục quốc phòng-An ninh 1	2	3	45				90		GDTC-QP
15	1120096	Giáo dục quốc phòng-An ninh 2	2	2	30				60		GDTC-QP
16	1120097	Giáo dục quốc phòng-An ninh 3	2	3	17			28	48		GDTC-QP
<b>II. Khối kiến thức chuyên ngành 64 TC</b>											
<b>Các học phần bắt buộc 64 TC</b>											
17	1110024	Cơ sở ngôn ngữ học	1	2	30				60		GDTH&MN
18	1110025	Cơ sở văn hóa Việt Nam	1	2	30				60		GDTH&MN
19	1110033	Giáo dục môi trường	1	2	30				60		GDTH&MN
20	1110040	Mĩ học	1	2	30				60		GDTH&MN
21	1110046	Ngữ Âm - Từ vựng Tiếng Việt	2	3	30	15			90		GDTH&MN
22	1110093	Toán học 1	2	3	20	25			90		GDTH&MN
23	1110094	Toán học 2	3	3	20	25			90		GDTH&MN
24	1110095	Toán học 3	4	2	15	15			60		GDTH&MN
25	1110096	Toán học 4	7	2	15	15			60		GDTH&MN
26	1110049	Nhập môn lý thuyết xác suất thống kê	3	2	15	15			60		GDTH&MN
27	1110214	Âm nhạc cơ bản	3	2	15	15			60		GDTH&MN
28	1110188	Lý thuyết văn học	3	2	30				60		GDTH&MN
29	1110127	Từ loại và câu tiếng Việt	3	3	30	15			90		GDTH&MN
30	1110130	Ngữ pháp văn bản tiếng Việt	4	2	20	10			60		GDTH&MN
31	1110051	Phong cách học tiếng Việt	4	2	20	10			60		GDTH&MN
32	1110160	Giáo dục học đại cương	2	2	30				60		GDTH&MN
33	1110216	Văn học dân gian	4	2	30				60		GDTH&MN
34	1110161	Thủ công - kỹ thuật	4	2	15	15			60		GDTH&MN
35	1110072	Sinh lý học trẻ em	2	2	30				60		GDTH&MN
36	1110162	Mỹ thuật cơ bản	5	2	15	15			60		GDTH&MN
37	1110163	Suy luận và chứng minh	5	2	15	15			60		GDTH&MN
38	1110111	Ngữ dụng học	5	2	20	10			60		GDTH&MN
39	1110164	Chuyên đề Tiếng Việt	5	2	30				60		GDTH&MN
40	1110105	Giáo dục Âm nhạc	5	2	20	10			60		GDTH&MN



41	1110108	Văn học thiếu nhi	6	3	45					90		GDTH&MN
42	1110165	Chuyên đề Toán 1	6	2	20	10				60		GDTH&MN
43	1110166	Chuyên đề Toán 2	7	2	20	10				60		GDTH&MN
44	1110167	Chuyên đề Văn	7	2	30					60		GDTH&MN
45	1110168	Thực hành công tác Sao - Đội	7	1				30		15		GDTH&MN
46	1110106	Giáo dục Mỹ thuật	7	2	20	10				60		GDTH&MN

### III. Khối kiến thức đào tạo và rèn luyện năng lực Sư phạm 40 TC

<b>Kiến thức cơ sở chung</b>		<b>10 TC</b>											
<i>Các học phần bắt buộc</i>		<i>10 TC</i>											
47	1110169	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục Tiểu học	6	2	15	15					60		GDTH&MN
48	1110027	Đạo đức và PPDH Đạo đức	7	2	20			20		50		GDTH&MN	
49	1110170	Lý luận giáo dục và dạy học Tiểu học	4	3	30	15				90		GDTH&MN	
50	1110171	Tâm lý học Tiểu học	4	3	45					90		GDTH&MN	

<b>Kiến thức, kỹ năng và NLDH chuyên ngành</b>		<b>24 TC</b>										
<i>Các học phần bắt buộc</i>		<i>24 TC</i>										
51	1110157	Rèn luyện kỹ năng Tiếng Việt 1	2	2	10			40		40		GDTH&MN
52	1110172	Rèn luyện kỹ năng Tiếng Việt 2	6	2	15	15				60		GDTH&MN
53	1110189	PPDH Tự nhiên - Xã hội 1	3	2	20			20		50		GDTH&MN
54	1110215	PPDH Tự nhiên - Xã hội 2	5	2	15			30		45		GDTH&MN
55	1110064	PPDH Thủ công - kỹ thuật	5	2	15			30		45		GDTH&MN
56	1110065	PPDH Tiếng Việt ở tiểu học 1	5	2	20			20		50		GDTH&MN
57	1110066	PPDH Tiếng Việt ở tiểu học 2	6	3	30			30		75		GDTH&MN
58	1110067	PPDH Toán ở tiểu học 1	5	2	20			20		50		GDTH&MN
59	1110068	PPDH Toán ở tiểu học 2	6	3	30			30		75		GDTH&MN
60	1110174	Rèn luyện kỹ năng Toán 1	6	2	15	15				60		GDTH&MN
61	1110175	Rèn luyện kỹ năng Toán 2	7	2	15	15				60		GDTH&MN

<b>Thực hành sư phạm</b>		<b>6 TC</b>										
<i>Các học phần bắt buộc</i>		<i>6 TC</i>										
62	1110081	Thực tập sư phạm 1	7	1					TT			GDTH&MN
63	1110083	Thực tập sư phạm 2	8	5					TT			GDTH&MN

### IV. Khóa luận tốt nghiệp, học phần thay thế 7 TC

64	1110104	Khóa luận tốt nghiệp	8	7					KL			GDTH&MN
----	---------	----------------------	---	---	--	--	--	--	----	--	--	---------

#### *Các học phần thay thế KLTN* 7 TC

#### Chuyên đề tốt nghiệp 1 (Toán):

- Chọn 1 trong 4 học phần sau:

65	1110176	Bồi dưỡng học sinh có năng khiếu toán và ứng dụng CNTT trong dạy học Tiểu học	8	3	45					90		GDTH&MN
----	---------	--	---	---	----	--	--	--	--	----	--	---------







**Học kỳ 2:**

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Giờ trên lớp			TN/TH	Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã HP học trước	Khoa quản lý HP	Ghi chú
				LT	BT	TL						
1	1130046	Những NLCB của CN Mác Lênin 2	3	30		30			75		GDCT - QLNN	
2	1090166	Tiếng Anh 2	4	40	20				120		NN	
3	1110157	Rèn luyện kỹ năng Tiếng Việt 1	2	10			40		40		GDTH&MN	
4	1110160	Giáo dục học đại cương	2	30					60		GDTH&MN	
5	1110093	Toán học 1	3	20	25				90		GDTH&MN	
6	1110046	Ngữ âm – Từ vựng Tiếng Việt	3	30	15				90		GDTH&MN	
7	1110072	Sinh lý học trẻ em	2	30					60		GDTH&MN	
8	1120002	Giáo dục thể chất 2	1	4					21		GDQP - AN	
9	1120095	Giáo dục Quốc phòng - an ninh 1	3	45					90		GDQP - AN	
10	1120096	Giáo dục Quốc phòng - an ninh 2	2	30					60		GDQP - AN	
11	1120097	Giáo dục Quốc phòng - an ninh 3	3	17			28		48		GDQP - AN	
Tổng cộng:			19									

**Học kỳ 3:**

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Giờ trên lớp			TN/TH	Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã HP học trước	Khoa quản lý HP	Ghi chú
				LT	BT	TL						
1	1130091	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	20		20			50		GDCT - QLNN	
2	1130049	Pháp luật đại cương	2	20		20			50		GDCT - QLNN	
3	1110049	Nhập môn lý thuyết xác suất thống kê	2	15	15				60		GDTH&MN	
4	1110094	Toán học 2	3	20	25				90		GDTH&MN	
5	1110214	Âm nhạc cơ bản	2	15	15				60		GDTH&MN	
6	1110188	Lý thuyết văn học	2	30					60		GDTH&MN	
7	1110127	Từ loại và câu tiếng Việt	3	30	15				90		GDTH&MN	
8	1110189	PPDH Tự nhiên – Xã hội 1	2	20			20		50		GDTH&MN	
9	1120003	Giáo dục thể chất 3	1	4			26		21		GDQP - AN	
Tổng cộng:			18									

**Học kỳ 4:**

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Giờ trên lớp			TN/TH	Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã HP học trước	Khoa quản lý HP	Ghi chú
				LT	BT	TL						
1	1130013	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	3	30		30			90		GDCT - QLNN	
2	1110130	Ngữ pháp văn bản tiếng Việt	2	20	10				60		GDTH&MN	
3	1110051	Phong cách học tiếng Việt	2	20	10				60		GDTH&MN	
4	1110170	Lý luận giáo dục và dạy học Tiểu học	3	30	15				90		GDTH&MN	



5	1110171	Tâm lý học Tiểu học	3	45				90		GDTH&MN
6	1110216	Văn học dân gian	2	30				60		GDTH&MN
7	1110095	Toán học 3	2	15	15			60		GDTH&MN
8	1110161	Thủ công - kỹ thuật	2	15	15			60		GDTH&MN
9	1120004	Giáo dục thể chất 4	1	4			26	21		GDQP - AN
Tổng cộng:			19							

**Học kỳ 5:**

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Giờ trên lớp			TN/TH	Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã HP học trước	Khoa quản lý HP	Ghi chú
				LT	BT	TL						
1	1110162	Mỹ thuật cơ bản	2	15	15			60		GDTH&MN		
2	1110163	Suy luận và chứng minh	2	15	15			60		GDTH&MN		
3	1110215	PPDH Tự nhiên - Xã hội 2	2	15			30	45		GDTH&MN		
4	1110111	Ngữ dụng học	2	20	10			60		GDTH&MN		
5	1110164	Chuyên đề Tiếng Việt	2	30				60		GDTH&MN		
6	1110064	PPDH Thủ công - kỹ thuật	2	15			30	45		GDTH&MN		
7	1110065	PPDH Tiếng Việt ở tiểu học 1	2	20			20	50		GDTH&MN		
8	1110067	PPDH Toán ở tiểu học 1	2	20			20	50		GDTH&MN		
9	1110105	Giáo dục Âm nhạc	2	20	10			60		GDTH&MN		
Tổng cộng:			18									

**Học kỳ 6:**

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Giờ trên lớp			TN/TH	Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã HP học trước	Khoa quản lý HP	Ghi chú
				LT	BT	TL						
1	1110169	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục Tiểu học	2	15	15			60		GDTH&MN		
2	1110108	Văn học thiếu nhi	3	45				90		GDTH&MN		
3	1110165	Chuyên đề Toán 1	2	20	10			60		GDTH&MN		
4	1110066	PPDH Tiếng Việt ở tiểu học 2	3	30			30	75		GDTH&MN		
5	1110068	PPDH Toán ở tiểu học 2	3	30			30	75		GDTH&MN		
6	1110174	Rèn luyện kỹ năng Toán 1	2	15	15			60		GDTH&MN		
7	1110172	Rèn luyện kỹ năng tiếng Việt 2	2	15	15			60		GDTH&MN		
Tổng cộng:			17									

**Học kỳ 7:**

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Giờ trên lớp			TN/TH	Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã HP học trước	Khoa quản lý HP	Ghi chú
				LT	BT	TL						
1	1110175	Rèn luyện kỹ năng Toán 2	2	15	15			60		GDTH&MN		
2	1110167	Chuyên đề Văn	2	30				60		GDTH&MN		
3	1110166	Chuyên đề Toán 2	2	20	10			60		GDTH&MN		
4	1110168	Thực hành công tác Sao - Đội	1				30	15		GDTH&MN		



5	1110027	Đạo đức và PPDH Đạo đức	2	20			20		50		GDTH&MN
6	1110106	Giáo dục Mỹ thuật	2	20	10				60		GDTH&MN
7	1110096	Toán học 4	2	15	15				60		GDTH&MN
8	1110081	Thực tập sư phạm 1	1					TT			GDTH&MN
Tổng cộng:			14								

**Học kỳ 8:**

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Giờ trên lớp			TN/TH	Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã HP học trước	Khoa quản lý HP	Ghi chú
				LT	BT	TL						
1	1110083	Thực tập sư phạm 2	5					TT			GDTH&MN	
2	1110104	Khóa luận tốt nghiệp	7								GDTH&MN	
<i>Các học phần thay thế tốt nghiệp</i>			7 TC									
<b>Chuyên đề tốt nghiệp 1 (Toán):</b>												
3	Chọn 1 trong 4 học phần sau:											
3.1	1110176	Bồi dưỡng học sinh có năng khiếu toán và ứng dụng CNTT trong dạy học Tiểu học	3	45					90		GDTH&MN	
3.2	1110177	Suy luận – chứng minh và ứng dụng CNTT trong dạy học Tiểu học	3	45					90		GDTH&MN	
3.3	1110178	Luyện tập các phép tính cơ bản trên tập số tự nhiên và ứng dụng CNTT trong dạy học Tiểu học	3	45					90		GDTH&MN	
3.4	1110179	Đa thức và ứng dụng CNTT trong dạy học Tiểu học	3	45					90		GDTH&MN	
<b>Chuyên đề tốt nghiệp 2 (Văn):</b>												
4	Chọn 1 trong 3 học phần sau											
4.1	1110180	Truyện đồng thoại với việc rèn luyện kĩ năng làm văn miêu tả cho học sinh tiểu học	2	30					60		GDTH&MN	
4.2	1110181	Cảm thụ tác phẩm văn học trong nhà trường tiểu học	2	30					60		GDTH&MN	
4.3	1110182	Phân tâm học trẻ em	2	30					60		GDTH&MN	
<b>Chuyên đề tốt nghiệp 3 (Tiếng Việt):</b>												
5	Chọn 1 trong 5 học phần sau:											
5.1	1110183	Phát triển ngôn ngữ nói cho học sinh tiểu học	2	30					60		GDTH&MN	
5.2	1110184	Dạy học chính tả cho học sinh tiểu học theo vùng phương ngữ	2	30					60		GDTH&MN	
5.3	1110185	Câu tiếng việt dưới góc độ ngữ pháp chức năng	2	30					60		GDTH&MN	
5.4	1110186	Ngữ điệu đọc diễn cảm và kỹ năng tạo câu chữa lỗi câu	2	30					60		GDTH&MN	
5.5	1110187	Bồi dưỡng học sinh giỏi tiếng việt	2	30					60		GDTH&MN	
Tổng cộng:			12									

**9. Mô tả văn tắt nội dung và khối lượng các học phần:**

Những NLCB của chủ nghĩa Mác – Lênin 1 (MHP: 1130045)

2TC

- Học phần được cấu trúc thành 4 chương, bao quát những nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận của Mác-Lênin.



- Trang bị cho người học những kiến thức về những nguyên lý, những quy luật chung nhất về tự nhiên, về xã hội và về tư duy trên cơ sở thế giới quan và phương pháp luận của triết học Mác – Lênin.

- Giúp cho người học nắm vững những nội dung cơ bản của thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học chuyên ngành được đào tạo.

- Biết sử dụng thế giới quan, phương pháp luận của triết học Mác – Lênin để nhằm xác lập cơ sở lý luận tiếp cận các môn học: những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 2, môn Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam, đồng thời biết vận dụng nó một cách sáng tạo trong hoạt động nhận thức khoa học, giải quyết những vấn đề cấp bách của thực tiễn đất nước và thời đại.

- Giúp người học xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng theo hệ tư tưởng của chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

#### Tin học đại cương (MHP: 1050071)

3TC

Nội dung chương trình gồm 2 phần. Phần I nêu tổng quan về tin học và máy tính điện tử; Hệ điều hành; Internet và virus máy tính. Phần II trình bày về ngôn ngữ lập trình C++, cụ thể gồm các kiến thức: giới thiệu về ngôn ngữ C++, các cấu trúc điều khiển, giải một số bài toán,...

#### Tiếng Anh 1 (MHP: 1090061)

3TC

- Học phần Anh văn 1 gồm 03 Unit bao gồm những kiến thức cơ bản: Một số vấn đề chung khi nói về gia đình, nghề nghiệp, sở thích, quá khứ, nói chuyện qua điện thoại.

Với quan điểm kế thừa và phát triển một cách có hệ thống những kiến thức tiếng Anh sinh viên đã học ở trường phổ thông, trên cơ sở xem tiếng Anh là công cụ giao tiếp thông dụng và là phương tiện nghiên cứu chuyên ngành để phát triển chuyên môn, *Tiếng Anh 2* nhằm vào các mục tiêu sau đây:

- *Hệ thống lại và trang bị thêm cho sinh viên những kiến thức cơ bản và thông dụng nhất về ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng văn bản và giao tiếp tiếng Anh.*

- *Học phần không đi sâu mô tả và phân tích các yếu tố ngôn ngữ và văn hóa mà chỉ xoay sâu vào việc giúp sinh viên hiểu và vận dụng được những yếu tố văn hóa, ngôn ngữ thông dụng nhất để phát triển kỹ năng giao tiếp tiếng Anh.*

- *Tập trung vào việc giúp sinh viên rèn luyện và phát triển kỹ năng giao tiếp, nhất là các kỹ năng đàm thoại trong các tình huống thông dụng và kỹ năng đọc- viết cơ bản.*

#### Tiếng Anh 2 (MHP: 1090166)

4TC

Với quan điểm kế thừa và phát triển một cách có hệ thống những kiến thức tiếng Anh sinh viên đã học trong học phần *Tiếng Anh 1*, *Tiếng Anh 2* bổ sung các cấu trúc ngữ pháp đã học, mở rộng và so sánh các cấu trúc này với nhau, đồng thời trình bày rõ các điểm ngữ pháp quan trọng như *phrasal verbs*, *linking words* và *collocations*, v.v. với mục đích giúp sinh viên sử dụng tiếng Anh chính xác và lưu loát, nâng cao khả năng lĩnh hội và sử dụng tiếng Anh cho mục đích giao tiếp phức tạp hơn.

#### Tâm lý học đại cương (MHP: 1110159)

2TC

Học phần Tâm lý học đại cương cung cấp cho sinh viên ngành GDTH và GDMN những kiến thức cơ bản về các hiện tượng tâm lý của con người: Bản chất, đặc điểm, chức



năng của các hiện tượng tâm lý; quy luật nảy sinh, hình thành và phát triển tâm lý; các quá trình tâm lý của hoạt động nhận thức; nhân cách và sự hình thành, phát triển nhân cách.

**Mĩ học (MHP: 1110040)**

**2TC**

Mĩ học là *triết học về nghệ thuật* (Hegel). Trong nghĩa sâu sắc nhất của mệnh đề, nghệ thuật vừa hàm chứa khách thể tự nhiên vừa hàm chứa chủ thể thẩm mỹ trong mối quan hệ biện chứng giữa chúng. Chủ thể thẩm mỹ như một đối tượng phức tạp, tinh tế nhất của mỹ học bao gồm trực giác, sự thanh lọc thẩm mỹ, lí tưởng và năng lực sáng tạo của con người. Nhận thức sâu sắc nhất của con người chính là hoạt động tự nhận thức; loài người tìm hiểu chính mình trước khi nắm bắt vũ trụ. Các phạm trù và tiêu chuẩn thẩm mỹ chỉ là sản phẩm mang tính chất loại hình của tư duy và kết tinh thành các sáng tạo nghệ thuật. Lịch sử nghệ thuật là lịch sử lựa chọn và thay thế giữa các trường phái nghệ thuật; tương tác giữa các trường phái đã tạo nên động lực cho sự vận động và phát triển các năng lực thẩm mỹ của con người.

Mĩ học với nội dung cơ bản trên trở thành *lí thuyết chung nhất* cho các môn học thuộc nghệ thuật trong nghĩa hẹp và xã hội nhân văn trong nghĩa rộng nhất của bộ môn.

**Cơ sở văn hóa Việt Nam (MHP: 1110025)**

**2TC**

Trên cơ sở giới thuyết khái niệm văn hoá Việt Nam, học phần trình bày về hoàn cảnh phát triển, tiến trình vận động, hệ giá trị văn hoá truyền thống, định hướng phát huy văn hoá truyền thống trong bối cảnh xây dựng xã hội hiện đại và hội nhập quốc tế.

**Giáo dục môi trường (MHP: 1110033)**

**2TC**

- Môn học giúp sinh viên nắm được kiến thức và chức năng của môi trường đối với con người và tự nhiên.

- Hình thành phát triển ở sinh viên thói quen, những hành vi, ứng xử văn minh, lịch sự và thân thiện với môi trường.

- Biết cách tích hợp, lồng ghép nội dung GDMT trong các môn học ở tiểu học.

**Cơ sở ngôn ngữ học (MHP: 1110024)**

**2TC**

- Tìm hiểu nguồn gốc ngôn ngữ loài người, vấn đề bản chất và đặc trưng của nó.

- Nghiên cứu các quy luật hoạt động và phát triển của ngôn ngữ

- Xây dựng hệ thống các khái niệm, các thuật ngữ, tìm hiểu các trường phái và định ra phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ.

**Những NLCB của chủ nghĩa Mác – Lênin 2 (MHP: 1130046)**

**3TC**

- Học phần gồm 6 chương được chia thành hai phần, *phần thứ hai* có 3 chương cung cấp cho người học những kiến thức về ba nội dung trọng tâm thuộc học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác-Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa (học thuyết giá trị, học thuyết giá trị thặng dư, học thuyết về chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước); *phần thứ ba* có 3 chương, trong đó có 2 chương khái quát những nội dung cơ bản thuộc lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin về chủ nghĩa xã hội và 1 chương khái quát chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng.

- Trang bị cho người học khả năng vận dụng những kiến thức của môn học làm cơ sở để nghiên cứu, học tập những môn học khoa học chuyên ngành.

- Trang bị cho người học cơ sở phương pháp luận để nhận thức đúng, giải thích đúng tình hình kinh tế hiện nay, nâng cao trình độ hiểu biết về đường lối chính sách kinh tế của Đảng, góp phần đổi mới tư duy kinh tế. Trên cơ sở đó xây dựng niềm tin khoa học vào sự



lãnh đạo của Đảng, vào con đường phát triển của đất nước, nâng cao lập trường quan điểm của giai cấp công nhân. Trên cơ sở lý luận để phê phán những quan điểm lập trường sai lầm.

### **Rèn luyện kỹ năng tiếng việt 1 (MHP: 1110157)**

2TC

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về đọc, kể, nói và trình bày bảng. Trên cơ sở đó, sinh viên tiến hành rèn luyện các kỹ năng nói, đọc, kể trước tập thể và trình bày bảng – những kỹ năng cơ bản nhất trong hoạt động dạy học Tiếng Việt nói riêng và dạy học nói chung.

### **Giáo dục học đại cương (MHP: 1110160)**

2TC

Học phần gồm các nội dung sau:

- Những vấn đề chung về khoa học giáo dục học: đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp, hệ thống các ngành KHGD
- Quá trình giáo dục tổng thể: sự phát triển nhân cách, vai trò của giáo dục đối với sự phát triển nhân cách, các con đường giáo dục.
- Nền giáo dục Việt nam: Mục đích giáo dục, nguyên lý giáo dục, các nhiệm vụ giáo dục trong nhà trường, hệ thống giáo dục quốc dân.
- Đặc điểm của lao động sư phạm và yêu cầu đối với người giáo viên.

### **Toán học 1 (MHP: 1110093)**

3TC

- Các kiến thức cơ bản về lý thuyết tập hợp; quan hệ và ánh xạ; giải tích tổ hợp; cơ sở logic học; suy luận và các phép chứng minh trong toán học.

### **Ngữ âm – Từ vựng Tiếng Việt (MHP: 1110046)**

3TC

- Trình bày hệ thống ngữ âm chuẩn của tiếng Việt.
- Những vấn đề ngữ âm trong nhà trường và khi dạy học tiếng Việt
- Các bình diện cấu tạo và ý nghĩa của từ.
- Vấn đề nắm nghĩa từ, sử dụng từ.

### **Sinh lý học trẻ em (MHP: 1110072)**

2TC

Sinh viên nắm được các giai đoạn phát triển của cơ thể người. Đặc điểm cấu tạo và chức năng, mức độ cấu trúc của cơ thể người, của các hệ cơ quan, hệ cơ quan trong cơ thể như: Hệ vận động, hệ tiêu hóa, hệ hô hấp, hệ tuần hoàn, hệ bài tiết, hệ thần kinh, cơ quan phân tích, hệ nội tiết và sự trao đổi chất và năng lượng ở cơ thể trẻ em.

### **Tư tưởng Hồ Chí Minh (MHP: 1130091)**

2TC

- Học phần gồm 7 chương: chương 1, trình bày về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của Tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu môn học.

- Cung cấp những hiểu biết có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hoá, nhân văn Hồ Chí Minh.

- Tiếp tục cung cấp những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin.

- Cùng với môn học *Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin* tạo lập những hiểu biết về nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng và của cách mạng nước ta.

- Góp phần xây dựng nền tảng đạo đức con người mới.

### **Pháp luật đại cương (MHP: 1130049)**

2TC



- Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về: Một số vấn đề lý luận chung về nhà nước; Một số vấn đề lý luận về pháp luật; Hệ thống pháp luật Việt Nam.

- Trang bị cho người học kiến thức đại cương về các vấn đề: Nguồn gốc, bản chất, chức năng, hình thức, các kiểu nhà nước; Nguồn gốc, bản chất, chức năng, hình thức, các kiểu pháp luật; Cơ chế điều chỉnh pháp luật.

- Trang bị cho người học kiến thức đại cương về: Hệ thống pháp luật và hệ thống pháp luật Việt Nam; Các ngành luật trong Hệ thống pháp luật Việt Nam; Một số ngành luật có liên quan đến chuyên ngành đào tạo.

#### **Nhập môn lý thuyết xác suất thống kê (MHP: 1110049)**

2TC

- Các khái niệm cơ bản về xác suất: Các mô hình xác suất, tính chất của xác suất; xác suất có điều kiện, công thức nhân; công thức xác suất đầy đủ.

- Biến ngẫu nhiên rời rạc và bảng phân phối xác suất; các số đặc trưng của biến ngẫu nhiên: kỳ vọng, phương sai, độ lệch chuẩn, hệ số biến sai.

- Đại cương về thống kê toán học: trình bày số liệu, ước lượng số trung bình, so sánh các số trung bình.

- Một số phương pháp thống kê trong nghiên cứu khoa học giáo dục.

#### **Toán học 2 (MHP: 1110094)**

3TC

- Các kiến thức cơ bản về các cấu trúc đại số như: nhóm, vành, trường; sự hình thành và cách xây dựng các tập hợp số, từ tập số tự nhiên N đến tập số phức C.

#### **Âm nhạc cơ bản (MHP: 1110214)**

2TC

Âm nhạc là nghệ thuật biểu hiện cảm xúc của con người với con người và cuộc sống bằng âm thanh, là nghệ thuật diễn ra trong thời gian, nghệ thuật động, nghệ thuật của thính giác. Âm nhạc là quà tặng của thiên nhiên, luôn gắn bó và đòi hỏi hoạt động biểu hiện trực tiếp của con người. Nhưng để có thể thưởng thức được loại hình nghệ thuật này, chúng ta cần phải có một kiến thức âm nhạc nhất định.

Học phần âm nhạc cơ bản sẽ cung cấp cho người học tất cả những kiến thức cơ bản để có thể làm chủ nền văn hóa âm nhạc, để có thể hiểu được những vấn đề liên quan tới nghệ thuật âm nhạc như: âm thanh và phương pháp đọc ghi chép nhạc, khái niệm về tiết tấu, nhịp phách trong âm nhạc. Cung cấp những kiến thức, khái niệm về quãng, điệu thức, gam, giọng trong âm nhạc. Cung cấp những kiến thức sơ lược về hợp âm trong âm nhạc... đặc biệt hình thành cho người học một số kỹ năng đọc ghi chép nhạc ở giọng 0 dấu hóa và một số bài hát thiếu nhi ứng dụng.

#### **Lý thuyết văn học (MHP: 1110099)**

2TC

Lý thuyết văn học với tư cách là bộ môn chính của khoa nghiên cứu văn học cung cấp cho sinh viên đại học nền tảng tri thức cơ bản về văn học. Các khái niệm, thuật ngữ công cụ và những quy luật phổ quát nhất của văn học được trình bày theo hệ thống rõ ràng từ chủ thể sáng tác đến văn bản, liên văn bản, từ loại thể đến tiếp nhận văn học.

Lý thuyết văn học vì thế được xem như mĩ học chuyên sâu về đối tượng. Lý thuyết văn học được xây dựng từ những hoạt động văn học điển hình và từ nền tảng lý thuyết chung nhất soi sáng vào thực tiễn văn học cho trẻ em.

#### **Từ loại và câu tiếng Việt (MHP: 1110127)**

3TC

- Giới thiệu những kiến thức khái quát về từ loại và câu tiếng Việt.

- Từ loại tiếng Việt hiện đại.

- Cấu trúc câu tiếng Việt.



**PPDH Tự nhiên – Xã hội 1 (MHP: 1110189)****2TC**

Những tri thức khoa học cơ bản: mục tiêu, nội dung, các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, phương tiện dạy học, cách đánh giá môn Tự nhiên - Xã hội ở tiểu học. Lập kế hoạch dạy học môn Tự nhiên -Xã hội ở tiểu học.

**Đường lối cách mạng của Đảng CSVN (MHP: 1130013)****3TC**

- Học phần gồm 8 chương, trong đó Chương 1 nghiên cứu về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng; Chương 2 và 3 nghiên cứu đường lối đấu tranh giải phóng dân tộc và tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân, đế quốc bảo vệ độc lập dân tộc, thống nhất đất nước; các chương còn lại nghiên cứu về đường lối xây dựng CNXH trong thời kỳ quá độ chủ yếu là trong thời kỳ đổi mới trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa – xã hội, an ninh – quốc phòng, đối ngoại...

- Cung cấp những hiểu biết có tính hệ thống về sự lãnh đạo của Đảng qua các thời kỳ cách mạng và các lĩnh vực cụ thể trong quá trình xây dựng CNXH ở nước ta.

- Tiếp tục cung cấp những kiến thức cơ bản về lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin. Cùng với các môn học Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, tạo lập những hiểu biết về nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng và của cách mạng nước ta.

**Ngữ pháp văn bản tiếng Việt (MHP: 1110130)****2TC**

- Giới thiệu những kiến thức khái quát, đặc trưng về văn bản tiếng Việt.
- Giới thiệu những kiến thức cơ bản về đoạn văn
- Giới thiệu những kiến thức khái quát về liên kết trong văn bản tiếng Việt

**Phong cách học tiếng Việt (MHP: 1110051)****2TC**

- Mở đầu giáo án sẽ giúp người học nắm bắt một số khái niệm cơ bản, những vấn đề lý luận liên quan đến học phần ( cụ thể: Phong cách, Phong cách học, chuẩn mực ngôn ngữ, chuẩn mực phong cách một số khái niệm trong Phong cách học,...)

- Nghiên cứu về các phong cách chức năng ngôn ngữ ( cụ thể: Phong cách chức năng ngôn ngữ khẩu ngữ, phong cách chức năng ngôn ngữ hành chính, phong cách chức năng ngôn ngữ khoa học...)

- Nghiên cứu về giá trị tu từ các đơn vị ngôn ngữ ( các phương tiện và biện pháp tu từ trong tiếng Việt)

**Lý luận giáo dục và dạy học Tiểu học (MHP: 1110170)****3TC**

- Lý luận dạy học tiểu học: bản chất, nhiệm vụ, động lực, nguyên tắc, nội dung, phương pháp dạy học, phương tiện dạy học, hình thức tổ chức dạy học và các đặc điểm của hoạt động dạy học ở trường tiểu học.

- Lý luận giáo dục tiểu học: bản chất, đặc điểm của quá trình giáo dục, nguyên tắc giáo dục, nội dung giáo dục, phương pháp và các hình thức tổ chức giáo dục ở trường tiểu học.

**Tâm lý học Tiểu học (MHP: 1110171)****3TC**

Bao gồm những kiến thức cơ bản nhất của Tâm lý học tiểu học – với tư cách là một khoa học; các vấn đề lý luận về trẻ em và sự phát triển tâm lý trẻ em; sự phân chia các giai



đoạn phát triển tâm lý theo lứa tuổi; đặc điểm nhận thức; nhân cách và một số hoạt động cơ bản của học sinh tiểu học; các vấn đề lý luận của Tâm lý học dạy học tiểu học, Tâm lý học giáo dục đạo đức cho học sinh tiểu học và Tâm lý học nhân cách người giáo viên tiểu học.

**Văn học dân gian (MHP: 1110100)**

**2TC**

Học phần tập trung làm rõ các vấn đề thuộc đặc trưng, thể loại VHDG. Trước hết, học phần giới thiệu khái niệm *Folklore* và *VHDG*. Theo đó, học phần trình bày rõ các đặc trưng cơ bản của văn học dân gian trong sự đối sánh với bộ phận văn học viết. Trên cơ sở đó, học phần đi vào nhận diện các thể loại truyện cổ dân gian, văn vần dân gian (*Thần thoại, Truyền thuyết, Truyện cổ tích, Truyện ngụ ngôn, Truyện cười, Ca dao, Tục ngữ, Đồng dao, Câu đố...*), trên các phương diện nội dung và hình thức thể hiện của thể loại.

**Toán học 3 (MHP: 1110095)**

**2TC**

Các kiến thức cơ bản về lý thuyết chia hết và lý thuyết đồng dư.

**Thủ công – Kỹ thuật (MHP: 1110161)**

**2TC**

Chương trình cung cấp cho sinh viên ngành GDTH kiến thức cơ bản về thủ công như :xé, cắt dán, gấp giấy và các kỹ thuật ứng dụng như đan trang trí, làm hoa giấy, làm đồ chơi đơn giản từ các nguyên liệu như: giấy bìa, giấy thủ công màu, và các vật liệu tận dụng dễ kiếm ở địa phương : lá cây, các loại vỏ hộp, giấy báo, giấy lịch cũ...; kỹ thuật khâu, thêu; kỹ thuật nấu ăn đơn giản; kiến thức về kỹ thuật công nghiệp : kỹ thuật lắp ghép mô hình kỹ thuật điện, cơ khí; kỹ thuật nông nghiệp: kỹ thuật trồng rau, hoa; kỹ thuật nuôi gà. Hình thành và rèn luyện cho sinh viên kỹ năng gia công các loại giấy và một số nguyên liệu khác nhau, tạo nhiều sản phẩm đa dạng, một số đồ chơi đơn giản; kỹ năng sử dụng một số dụng cụ trong lĩnh vực công nghiệp và nông nghiệp. Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm vững kiến thức, có kỹ năng thực hành và ứng dụng trong thiết kế các mô hình đồ dùng dạy học đơn giản.

**Mỹ thuật cơ bản (MHP: 1110162)**

**2TC**

Giúp sinh viên tìm hiểu một số khái niệm về mỹ thuật, nắm được khái quát nội dung và nhiệm vụ môn học. Cung cấp về lý thuyết và hướng dẫn những bài tập về vẽ theo mẫu bằng chất liệu chì, chất liệu màu sáp, hướng dẫn những bài tập vẽ trang trí, bài tập về tỉ lệ mặt người, tỉ lệ người, phóng tranh - ảnh tranh đề tài, tranh minh họa, trang trí đầu báo tường.

**Suy luận và chứng minh (MHP: 1110163)**

**2TC**

- Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về logic mệnh đề, suy luận, phương pháp giải các bài toán về suy luận logic và các phương pháp chứng minh trong toán học để vận dụng vào việc giải toán tiểu học.

- Hình thành kỹ năng giải các bài toán về suy luận logic và vận dụng các phương pháp chứng minh trong toán tiểu học.

- Sinh viên có tinh thần hợp tác, chủ động tìm tòi, phát hiện và khám phá các ứng dụng của logic mệnh đề và chứng minh trong dạy học toán tiểu học.

**PPDH Tự nhiên – Xã hội 2 (MHP: 1110215)**

**2TC**

Những tri thức khoa học cơ bản: mục tiêu, nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, phương tiện dạy học, cách đánh giá các môn Khoa học, Lịch sử và Địa lý ở tiểu học. Lập kế hoạch dạy học các môn Khoa học, Lịch sử và Địa lý ở tiểu học.

**Ngữ dụng học (MHP: 1110111)**

**2TC**



- Trình bày những nội dung và khái niệm cơ bản của ngữ dụng học
- Ngữ dụng học áp dụng vào tiếng Việt và việc dạy tiếng

**Chuyên đề tiếng Việt (MHP: 1110164)**

**2TC**

- Khái quát về câu tiếng Việt trên các bình diện cú pháp – ngữ nghĩa – ngữ dụng.

- Phương pháp luyện câu cho học sinh tiểu học theo hướng giao tiếp.

**PPDH Thủ công – Kỹ thuật (MHP: 1110064)**

**2TC**

Học phần Phương pháp dạy học (PPDH) Thủ công – Kỹ thuật cung cấp cho sinh viên ngành GDTH hệ thống lý luận để làm rõ các đặc điểm, đối tượng mang tính đặc trưng của môn Thủ công – Kỹ thuật làm cơ sở cho việc nghiên cứu, lựa chọn các phương pháp và hình thức dạy học tối ưu nhất, đảm bảo phát triển tư duy, năng lực nhận thức và hành động cũng như ý thức tự giác, tích cực của học sinh. PPDH Thủ công – Kỹ thuật được coi là phân đặc thù của dạy học kỹ thuật. Vì vậy, trong quá trình học tập và nghiên cứu môn học, yêu cầu sinh viên cần xác định được vai trò, vị trí môn học đối với việc giáo dục học sinh ở nhà trường; cái hay, cái khó và tính sáng tạo của việc dạy kỹ thuật. Từ đó, nâng cao trách nhiệm và tình cảm nghề nghiệp của sinh viên ngành GDTH đối với môn học.

**PPDH Tiếng Việt ở tiểu học 1 (MHP: 1110065)**

**2TC**

Học phần đi sâu vào tìm hiểu các vấn đề có liên quan đến ngành khoa học Phương pháp dạy học tiếng Việt ở tiểu học, các phân môn Học vần, Tập đọc, Kể chuyện. Bên cạnh việc xem xét vị trí, nhiệm vụ của từng phân môn, học phần còn đi sâu vào những vấn đề mang tính chất cơ sở, nền tảng như những nguyên tắc và phương pháp dạy học nào đã chi phối đến quá trình chọn lựa nội dung kiến thức cũng như cách tổ chức dạy học, cách thiết kế một giờ dạy cụ thể, cách trình bày bảng, phải chú ý đến đối tượng học sinh ra sao...

**PPDH Toán ở tiểu học 1 (MHP: 1110067)**

**2TC**

Học phần được xây dựng trong 3 chương và được khái quát một cách rõ nét toàn bộ phần cơ sở lý luận dạy học và các phương pháp dạy học môn toán ở tiểu học.

Nội dung trong học phần cố gắng trang bị và hoàn thiện những nhận thức ban đầu về phương pháp dạy học, để qua đó sinh viên có cơ sở tiếp cận tới học phần thứ hai của phương pháp dạy học toán ở tiểu học là dạy học những nội dung trong chương trình môn toán ở tiểu học.

**Giáo dục âm nhạc (MHP: 1110105)**

**2TC**

Học phần trang bị cho người học những kiến thức thông thường về âm nhạc như: dàn dựng và chỉ huy đồng ca hợp xướng ở trường tiểu học, hình thức- thể loại âm nhạc. Người học có hiểu biết chung về dân ca Việt Nam, âm nhạc dành cho thiếu nhi và một số nhạc sĩ, danh nhân âm nhạc trong nước và thế giới... Học phần giới thiệu cơ sở lý luận chung dạy học âm nhạc, nội dung chương trình và các phương pháp dạy học để từ đó người học có thể nắm bắt cơ bản trình tự các bước dạy học âm nhạc trong trường Tiểu học và thiết kế được các giáo án giảng dạy và thực hiện các giáo án này trên các lớp tiểu học khi cần thiết.

**PP nghiên cứu khoa học giáo dục Tiểu học (MHP: 1110169)**

**2TC**

- Các khái niệm cơ bản: khoa học, công nghệ, nghiên cứu khoa học, phương pháp nghiên cứu khoa học, các quan điểm tiếp cận duy vật biện chứng lịch sử trong nghiên cứu khoa học giáo dục.



- Một số phương pháp nghiên cứu thông dụng trong nghiên cứu khoa học giáo dục, đặc biệt các nghiên cứu ở trường tiểu học.
- Các bước trong lôgic tiến hành một công trình nghiên cứu khoa học.
- Cách đánh giá một công trình nghiên cứu khoa học giáo dục.

**Văn học thiếu nhi (MHP: 1110108)**

**3TC**

Trên cơ sở giới thuyết khái niệm, đặc trưng của văn học thiếu nhi, học phần tập trung trình bày về quá trình phát triển và thành tựu văn học viết cho thiếu nhi Việt Nam, giới thiệu một số tác giả, tác phẩm văn học thiếu nhi nước ngoài được dịch ở Việt Nam.

**Chuyên đề toán 1 (MHP: 1110165)**

**2TC**

Một số khái niệm cơ bản về đồ thị, biểu diễn đồ thị bằng hình học, bậc của đỉnh, đường đi Euler, cây đồ thị; đồ thị màu, sắc số, lớp đồ thị có chu trình tam giác cùng màu; đồ thị có hướng; phương pháp sơ đồ trong dạy học - toán.

**PPDH tiếng việt ở tiểu học 2 (MHP: 1110066)**

**3TC**

Học phần PPDHTV2 trình bày những kiến thức cơ bản về phương pháp dạy học các phân môn *Tập viết, Chính tả, Luyện từ và câu, Tập làm văn* trong chương trình Tiếng Việt tiểu học: nguyên tắc, phương pháp, chương trình, sách giáo khoa, phương tiện dạy học; phương pháp dạy học, v.v.

**PPDH toán ở tiểu học 2 (MHP: 1110068)**

**3TC**

Tìm hiểu về dạy học các số tự nhiên, phân số, số thập phân, các yếu tố đại số, các yếu tố hình học, các đại lượng và phép đo đại lượng, một số yếu tố thống kê, giải toán ở tiểu học.

**Rèn luyện kỹ năng toán 1 (MHP: 1110174)**

**2TC**

Trên cơ sở ôn tập và hệ thống lại các nội dung có liên quan đến phương pháp dạy học các kiến thức của môn toán ở tiểu học. Học phần trang bị những kỹ năng cần thiết để đảm bảo một cách tốt nhất khi thực hiện một giờ dạy học toán ở tiểu học. Trên cơ sở đó là hàng loạt các giờ giảng mẫu (bảng, đĩa hình và dự giờ) và những giờ giảng thực hành của sinh viên được diễn ra ngay tại lớp học.

**Rèn luyện kỹ năng tiếng việt 2 (MHP: 1110172)**

**2TC**

Học phần giúp sinh viên nắm được đặc điểm của các dạng văn bản nằm trong phân môn Tập làm văn chương trình Tiếng Việt tiểu học. Trên cơ sở đó, sinh viên rèn luyện các kỹ năng tạo lập từng loại văn bản, nhất là văn miêu tả và văn kể chuyện. Đồng thời, hình thành cho sinh viên kỹ năng hướng dẫn học sinh tiểu học sửa lỗi viết văn cho bài văn miêu tả và bài văn kể chuyện.

**Rèn luyện kỹ năng toán 2 (MHP: 1110175)**

**2TC**

Trên cơ sở ôn tập và hệ thống lại các nội dung có liên quan đến phương pháp dạy học các kiến thức của môn toán ở tiểu học. Học phần trang bị những kỹ năng cần thiết để đảm bảo một cách tốt nhất khi thực hiện một giờ dạy học toán ở tiểu học. Trên cơ sở đó là hàng loạt các giờ giảng mẫu (bảng, đĩa hình và dự giờ) và những giờ giảng thực hành của sinh viên được diễn ra ngay tại lớp học.

**Chuyên đề Văn (Thể loại văn học thiếu nhi) (MHP: 1110167)**

**2TC**

Trên cơ sở giới thiệu lợi ích của việc nghiên cứu văn học theo thể loại, chuyên đề sẽ mô tả bức tranh chung về hệ thống thể loại văn học thiếu nhi, đồng thời đi sâu mô tả, phân tích một vài thể loại tiêu biểu.



**Chuyên đề Văn (Học thẩm mỹ – học sáng tạo theo tinh thần giáo dục khai phóng) (MHP: 1110167) 2TC**

Học thẩm mỹ – học sáng tạo là vấn đề có tính thời sự của giáo dục hiện đại. Giáo dục theo tinh thần khai phóng đặt vấn đề: không chỉ giúp người học tiếp thu tri thức đã có mà quan trọng hơn, cùng nhau góp phần sáng tạo ra tri thức chưa có; các kỹ năng không phải là làm theo khuôn mẫu định sẵn mà là làm ra cái mới, cái khác, không chỉ cho hiện tại mà cho tương lai của chính người học.

Học thẩm mỹ – học sáng tạo thể hiện qua trải nghiệm và thực nghiệm sáng tạo bằng sự kế thừa và phát triển các di sản văn hóa – thẩm mỹ, tức trò chơi huyễn – tạo liên tục theo nhu cầu phát triển tri thức của nhân loại. Giáo dục hiện đại luôn tạo ra các phương pháp mới kích thích chống lại lối mòn để làm ra cái mới, cái khác.

**Chuyên đề toán 2 (MHP: 1110166) 2TC**

- Một số khái niệm về ma trận và định thức.
- Các khái niệm và một số tính chất cơ bản về không gian vectơ; cơ sở và số chiều của không gian vectơ; không gian vectơ con; ánh xạ tuyến tính.

**Thực hành công tác Sao – Đội (MHP: 1110168) 1TC**

Giúp sinh viên thực hiện được một số nội dung yêu cầu trong công tác Sao – Đội ở trường tiểu học như: hát – múa (Quốc ca, Đội ca, một số bài hát truyền thống đội thiếu niên), thắt - tháo khăn quàng đỏ, chào kiểu đội viên, hô đáp khẩu hiệu, các động tác cá nhân tại chỗ và di động, các động tác cá nhân tại chỗ và di động, trống đội, đội hình đội ngũ.

**Đạo đức và PPDH đạo đức (MHP: 1110027) 2TC**

- Các vấn đề cơ bản: đạo đức, các phạm trù cơ bản của đạo đức, cấu trúc đạo đức của cá nhân, đánh giá đạo đức của cá nhân.
- Nội dung chương trình, đặc điểm môn Đạo đức ở tiểu học.
- Các phương pháp và phương tiện dạy học môn Đạo đức ở tiểu học theo tinh thần đổi mới phương pháp dạy học.
- Các hình thức tổ chức dạy học môn Đạo đức ở tiểu học.

**Giáo dục mỹ thuật (MHP: 1110106) 2TC**

Cung cấp kiến thức cơ bản về lý thuyết hội họa, đồ họa, điêu khắc trong và ngoài nước, nâng cao nhận thức thẩm mỹ cho sinh viên. Đồng thời giúp sinh viên có kiến thức về phương pháp dạy học mỹ thuật ở tiểu học.

**Toán học 4 (MHP: 1110096) 2TC**

Trang bị cho sinh viên ngành giáo dục tiểu học những kiến thức chung về Toán đại cương, đồng thời củng cố lại những kiến thức Toán sơ cấp đã từng học làm kiến thức nền tảng để sinh viên lĩnh hội, tiếp thu và ứng dụng hiệu quả vào phương pháp giảng dạy Toán chuyên ngành Tiểu học.

**Thực tập sư phạm 1 (MHP: 1110081) 1TC**

**Thực tập sư phạm 2 (MHP: 1110083) 5TC**

**Khóa luận tốt nghiệp (MHP: 1110104) 7TC**

**\* CHUYÊN ĐỀ TỐT NGHIỆP 1:**

**Bồi dưỡng học sinh có năng khiếu toán và ứng dụng CNTT trong dạy học Tiểu học (MHP: 1110176) 3TC**

Hai vấn đề quan trọng đặt ra trong việc giải toán là: nhận dạng bài toán và lựa chọn phương pháp thích hợp để giải. Toàn bộ nội dung bồi dưỡng học sinh giỏi toán ở tiểu học là cung cấp những phương pháp nhận dạng bài toán và lựa chọn phương pháp



thích hợp để tìm ra lời giải. Nội dung gói gọn trong 10 chuyên đề, mỗi chuyên đề được phân chia thành các dạng toán điển hình. Đối với mỗi dạng có phần hệ thống những kiến thức cần nắm vững để giải các bài toán thuộc dạng đó; tiếp đó là minh họa một số ví dụ điển hình, hướng dẫn phương pháp phân tích để đi đến lời giải hợp lý. Sau mỗi chuyên đề là hệ thống các bài tập tự luyện.

Các phương tiện kỹ thuật dạy học và cá thiết bị dạy học mới có ứng dụng CNTT và truyền thông (Internet).

Ứng dụng công nghệ thông tin trong hệ thống phương pháp dạy học: Quy trình thiết kế bài giảng bằng Powerpoint trong dạy học tiểu học.

**Suy luận – chứng minh và ứng dụng CNTT trong dạy học Tiểu học (MHP: 1110177) 3TC**

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về logic mệnh đề, suy luận, phương pháp giải các bài toán về suy luận logic và các phương pháp chứng minh trong toán học để vận dụng vào việc giải toán tiểu học.

- Hình thành kỹ năng giải các bài toán về suy luận logic và vận dụng các phương pháp chứng minh trong toán tiểu học.

- Sinh viên có tinh thần hợp tác, chủ động tìm tòi, phát hiện và khám phá các ứng dụng của logic mệnh đề và chứng minh trong dạy học toán tiểu học.

Các phương tiện kỹ thuật dạy học và cá thiết bị dạy học mới có ứng dụng CNTT và truyền thông (Internet).

Ứng dụng công nghệ thông tin trong hệ thống phương pháp dạy học: Quy trình thiết kế bài giảng bằng Powerpoint trong dạy học tiểu học.

**Luyện tập các phép tính cơ bản trên tập số tự nhiên và ứng dụng CNTT trong dạy học Tiểu học (MHP: 1110178) 3TC**

Các cách diễn đạt các phép toán cộng, trừ, nhân, chia; một số hoạt động luyện tập; đưa các dạng bài toán có lời văn ứng với mỗi cách diễn đạt của phép toán.

Các phương tiện kỹ thuật dạy học và cá thiết bị dạy học mới có ứng dụng CNTT và truyền thông (Internet).

Ứng dụng công nghệ thông tin trong hệ thống phương pháp dạy học: Quy trình thiết kế bài giảng bằng Powerpoint trong dạy học tiểu học.

**Đa thức và ứng dụng CNTT trong dạy học Tiểu học (MHP: 1110179) 3TC**

Trang bị cho sinh viên ngành giáo dục tiểu học một mảng kiến thức về Đại số sơ cấp, cụ thể là Đa thức và phân thức. Đồng thời củng cố lại những kiến thức về Toán sơ cấp mà sinh viên đã từng học làm kiến thức nền tảng để sinh viên lĩnh hội, tiếp thu và ứng dụng hiệu quả vào phương pháp giảng dạy Toán chuyên ngành Tiểu học.

Các phương tiện kỹ thuật dạy học và cá thiết bị dạy học mới có ứng dụng CNTT và truyền thông (Internet).

Ứng dụng công nghệ thông tin trong hệ thống phương pháp dạy học: Quy trình thiết kế bài giảng bằng Powerpoint trong dạy học tiểu học.

**Truyện đồng thoại với việc rèn luyện kỹ năng làm văn miêu tả cho học sinh tiểu học (MHP: 1110180) 2TC**

Truyện đồng thoại như một nguồn văn mẫu có giá trị ứng dụng trong việc giúp học sinh tiểu học làm quen và học tập cách miêu tả loài vật, đồ vật... của các nhà văn.

**Cảm thụ tác phẩm văn học trong nhà trường tiểu học (MHP: 1110181) 2TC**

Học phân tập trung làm rõ những vấn đề cơ bản về đọc hiểu văn bản; phân biệt các kiểu văn bản khác nhau được sử dụng trong chương trình Tiếng Việt tiểu học. Trên cơ sở phân tích đặc trưng một số kiểu văn bản (văn bản hành chính công vụ, văn bản



nghệ thuật...), học phần đi sâu vào bản chất của hoạt động đọc hiểu tác phẩm văn chương (cảm thụ văn học trong trường tiểu học). Đồng thời, học phần nêu lên một số dạng bài tập luyện cảm thụ văn học trong nhà trường.

**Phân tâm học trẻ em (MHP: 1110182)**

**2TC**

Phân tâm học là vấn đề có tính thời sự của giáo dục hiện đại từ sau thế kỉ 20. Đó là cuộc cách mạng Copernicus về nhận thức con người. Phân tâm học hé mở những bí ẩn trong vùng tăm tối nhất của tinh thần nhân loại và giúp khoa học có cái nhìn mới về các hiện tượng phức tạp trong đời sống: các hiện tượng tâm thần của cá nhân, các bất ổn của đời sống gia đình, bạo lực...

Phân tâm học giúp người học nhận thức sâu sắc ngọn nguồn của các hiện tượng tâm lí phức tạp, phân loại hiện tượng, cách giải quyết và định hướng xây dựng một cộng đồng trách nhiệm và chia sẻ, trong đó giáo dục đóng vai trò quyết định.

**Phát triển ngôn ngữ nói cho học sinh tiểu học (MHP: 1110183)**

**2TC**

Học phần nêu những cơ sở, nội dung, phương pháp phát triển ngôn ngữ nói cho học sinh; giúp sinh viên thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ dạy học tiếng Việt ở tiểu học.

**Dạy học chính tả cho học sinh tiểu học theo vùng phương ngữ (MHP: 1110184)**

**2TC**

Học phần trình bày cơ sở của việc dạy học chính tả theo vùng phương ngữ; thực trạng lỗi chính tả ở tiểu học; phương pháp luyện tập chính tả cho học sinh.

**Câu tiếng việt dưới góc độ ngữ pháp chức năng (MHP: 1110185)**

**2TC**

Giới thiệu tổng quan những vấn đề cơ bản của ngữ pháp chức năng, những kết quả nghiên cứu ngữ pháp tiếng Việt theo quan điểm ngữ pháp chức năng. Từ đó giúp học viên có cái nhìn sâu sắc toàn diện về tiếng mẹ đẻ của mình. Từ những tri thức ấy, học viên có thể so sánh tiếng Việt với các ngôn ngữ khác, rèn luyện kỹ năng phân tích cú pháp dựa trên quan điểm ngữ pháp chức năng.

**Ngữ điệu đọc diễn cảm và kỹ năng tạo câu chữa lỗi câu (MHP: 1110186)**

**2TC**

Giới thiệu tổng quan những vấn đề cơ bản của đọc diễn cảm và các điều kiện tạo câu, kỹ năng rút gọn, mở rộng câu, kỹ năng đánh giá, phân tích lỗi viết câu và cách sửa lỗi viết câu. Từ đó giúp học viên có cái nhìn sâu sắc toàn diện ngữ điệu đọc diễn cảm và sử dụng, dạy câu tiếng Việt được tốt.

**Bồi dưỡng học sinh giỏi tiếng việt (MHP: 1110187)**

**2TC**

Trên cơ sở các kiến thức tiền đề, nâng cao kiến thức và kỹ năng tiếng Việt của học sinh giỏi về các mặt: chính tả, từ ngữ, câu, làm văn...

**10. Danh sách đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình:**

**10.1. Khối kiến thức chung**

STT	Đơn vị	Môn học / học phần sẽ giảng dạy
1	LLCT - HC	Những NLCB của CN Mác Lênin 1
2	LLCT	Những NLCB của CN Mác Lênin 2
3	LLCT	Tư tưởng Hồ Chí Minh



4	LLCT	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN
5	LLCT	Pháp luật đại cương
6	Ngoại Ngữ	Tiếng Anh 1
7	Ngoại Ngữ	Tiếng Anh 2
8	CNTT	Tin học đại cương
9	GDTH & MN	Tâm lý học đại cương

### 10.2. Khối kiến thức chuyên ngành

STT	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất, ngành đào tạo	Môn học / học phần sẽ giảng dạy
1.	Lê Văn Đức	1960	ThS. Toán học	- Chuyên đề Toán - Toán học 1, 4
2.	Tô Văn Dung	1963	ThS. Toán học	- Chuyên đề Toán - Xác suất & Thống kê - Toán học 1, 2, 3
3.	Lê Công Hạnh	1970	ThS. Toán học	- Chuyên đề PPDH - PPDH Toán - Rèn luyện nghiệp vụ Toán - Hình thành biểu tượng Toán
4.	Phạm Thị Kim Phụng	1961	ThS. Toán học	- Chuyên đề PPDH - PPDH Toán - Rèn luyện nghiệp vụ Toán - Hình thành biểu tượng Toán
5.	Nguyễn Thị Thanh Hoa	1970	ThS. Toán học	- Chuyên đề Toán - Toán học 1, 2, 3
6.	Võ Văn Hiệp	1968	ThS. Toán học	- Chuyên đề Toán - Hình thành biểu tượng Toán
7.	Đào Ngọc Hân	1983	ThS. Toán học	- Toán học 2, 3, 4 - Chuyên đề Toán
8.	Nguyễn Thị Phương Thảo	1981	ThS. Toán học	- Toán học 2, 3, 4 - Chuyên đề Toán
9.	Nguyễn Quý Thành	1955	TS. Ngữ Văn	- Chuyên đề - PPDH Tiếng Việt - Dẫn luận ngôn ngữ
10.	Lê Nhật Ký	1965	TS. Ngữ Văn	- Chuyên đề Văn - Văn học thiếu nhi - Cơ sở văn hóa Việt Nam



STT	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất, ngành đào tạo	Môn học / học phần sẽ giảng dạy
11.	Phạm Hồng Thủy	1963	ThS. Ngữ Văn	- Chuyên đề Tiếng Việt - Ngữ âm – Từ vựng - Tiếng Việt thực hành
12.	Châu Minh Hùng	1968	TS. Ngữ Văn	- Chuyên đề văn học - Mỹ học - Lý luận văn học - Tập làm văn - Thể loại văn học
13.	Trần Thị Giang	1970	TS. Ngữ Văn	- Chuyên đề ngôn ngữ, Tiếng Việt - Ngữ pháp Tiếng Việt - Phát triển ngôn ngữ cho trẻ em
14.	Nguyễn Nhật Quang Dũng	1974	ThS. Ngữ Văn	- Rèn luyện nghiệp vụ Tiếng Việt - Chuyên đề Tiếng Việt - Phát triển ngôn ngữ cho trẻ em
15.	Phạm Thị Ngọc Hoa	1965	TS. Ngữ Văn	- Văn học Việt Nam - Văn học dân gian - Chuyên đề văn học
16.	Bùi Thị Thúy Hằng	1983	ThS. Ngữ Văn	- Ngôn ngữ học - Phong cách học Tiếng Việt - Chuyên đề Tiếng Việt
17.	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	1981	ThS. Ngữ Văn	- Rèn luyện nghiệp vụ Tiếng Việt - Rèn luyện kỹ năng tiếng Việt - PPDH Tiếng Việt
18.	Võ Thị Mỹ Lương	1961	ThS. Tâm lý giáo dục	- Giáo dục học đại cương - Giáo dục học Mầm non, Tiểu học - Chuyên đề Giáo dục học - PPDH Đạo đức
19.	Phan Thị Lệ Thủy	1968	ThS. Quản lý giáo dục	- Thủ công - kỹ thuật - Dinh dưỡng - Tạo hình - Chuyên đề
20.	Nguyễn Thị Tường Loan	1969	ThS. Sinh học	- Sinh lý học trẻ em



STT	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất, ngành đào tạo	Môn học / học phần sẽ giảng dạy
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giáo dục sức khỏe</li> <li>- Tự nhiên – Xã hội</li> <li>- Chuyên đề</li> </ul>
21.	Võ Thị Tuyết Mai	1968	ThS. Sinh học	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giáo dục môi trường</li> <li>- Tự nhiên – Xã hội</li> <li>- PP giúp trẻ làm quen với môi trường xung quanh</li> <li>- Chuyên đề</li> </ul>
22.	Phạm Thị Thu Hà	1976	ThS. Âm nhạc	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Âm nhạc</li> <li>- PPDH Âm nhạc</li> <li>- Múa</li> <li>- Chuyên đề</li> <li>- Thực hành công tác Sao – Đội</li> </ul>
23.	Phạm Xuân Trường	1970	ThS. Mỹ thuật	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mỹ thuật</li> <li>- PPDH Mỹ thuật</li> <li>- Tạo hình</li> <li>- Chuyên đề</li> <li>- Thực hành công tác Sao – Đội</li> </ul>
24.	Lê Thị Ngọc Hiền	1984	ThS. Mỹ thuật	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mỹ thuật</li> <li>- PPDH Mỹ thuật</li> <li>- Tạo hình</li> <li>- Chuyên đề</li> </ul>
25.	Tô Thị Minh Tâm	1986	ThS. Tâm lý học	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tâm lý học, Giáo dục học</li> <li>- Tâm lý học Tiểu học, Mầm non</li> <li>- Tâm bệnh học trẻ em</li> <li>- Chuyên đề</li> </ul>
26.	Trương Thanh Long	1990	ThS. Tâm lý học	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tâm lý học, Giáo dục học</li> <li>- Tâm lý học Tiểu học, Mầm non</li> <li>- Tâm bệnh học trẻ em</li> <li>- Chuyên đề</li> </ul>
27.	Võ Thị Uyên Vy	1991	Đang Cao học	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tâm lý học, Giáo dục học</li> <li>- Tâm lý học Tiểu học, Mầm non</li> <li>- Tâm bệnh học trẻ em</li> <li>- Chuyên đề</li> </ul>



STT	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất, ngành đào tạo	Môn học / học phần sẽ giảng dạy
28.	Nguyễn Thị Tho	1991	ThS. Sinh học	- Vệ sinh và dinh dưỡng - Sinh lý học trẻ em - Chuyên đề
29.	Hà Thị Thanh Xuân	1991	Đang Cao học	- Âm nhạc - PPDH Âm nhạc - Múa - Chuyên đề - Thực hành công tác Sao – Đội

### 11. Cơ sở vật chất phục vụ học tập:

11.1. *Phòng nghiệp vụ:* dùng để rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên. Thực hành các môn về giáo dục mỹ thuật, giáo dục âm nhạc và lao động kỹ thuật.

#### 11.2. *Giáo trình, tập bài giảng*

STT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
1.	10 chuyên đề bồi dưỡng học sinh giỏi toán 4-5 (tập 1 và tập 2)	Trần Diên Hiền	Nxb Giáo dục	2002
2.	Dạy học môn toán ở bậc tiểu học	Nguyễn Phụ Hy	Nxb ĐHQG Hà Nội	2000
3.	Toán và Phương pháp dạy học toán ở tiểu học	Trần Diên Hiền (Chủ biên); Tô Văn Dung	Nxb Giáo dục	2006
4.	Cơ sở khoa học về môi trường	Lưu Đức Hải	Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội	2000
5.	Phương pháp dạy học môn toán ở tiểu học	Đỗ Trung Hiệu, Đỗ Đình Hoan, Vũ Dương Thụy, Vũ Quốc Chung	Nxb ĐHSP Hà Nội 1	1995
6.	Nhập môn lý thuyết tập hợp và logic toán	Nguyễn Văn Ngọc	Nxb Đại học Sư phạm	1993
7.	Giáo trình toán sơ cấp	Vũ Tuấn, Nguyễn Văn Doanh	Nxb Đại học sư phạm	2008
8.	Tự nhiên – Xã hội và phương pháp dạy học Tự nhiên – Xã hội ở tiểu học (tập 2)	Lê Văn Trường, Nguyễn Tuyết Nga (chủ biên)	NXB Giáo dục	2007
9.	Rèn kỹ năng giải toán Tiểu học	Trần Diên Hiền	Nxb Đại học sư phạm, Hà Nội	2008
10.	Graph và giải toán phổ thông	Hoàng Chúng	Nxb Giáo dục	1997
11.	Phương pháp dạy học môn toán ở tiểu học	Đỗ Trung Hiệu, Đỗ Đình Hoan, Vũ Dương Thụy, Vũ Quốc Chung	Nxb ĐHSP Hà Nội 1	1995
12.	Chương trình tiểu học		Nxb Giáo dục	2002
13.	Các tập hợp số	Trần Diên Hiền (chủ biên), Bùi Huy Hiền	Nxb ĐHSP	2007
14.	Xác suất – Thống kê	Đào Hữu Hồ	Chương trình giáo trình đại học, Hà Nội	1997



15.	Số học và logic toán	Phan Hữu Chân, Nguyễn Tiến Tài	NXB Giáo dục	2002
16.	Sách giáo khoa, sách bài tập, sách giáo viên Toán 1, 2	Đỗ Đình Hoan	Nxb Giáo dục, Hà Nội	2009
17.	Đại số sơ cấp	Đậu Thế Cấp	Nxb Giáo dục	2010
18.	Toán cao cấp T1 – Đại số tuyến tính	Nguyễn Văn Giám	Nxb GD	1998
19.	100 câu hỏi và đáp về việc dạy toán ở tiểu học	Phạm Đình Thực	Nxb Giáo dục	2002
20.	Giáo trình Sinh lý học trẻ em	Tạ Thúy Lan	Nxb Giáo dục	2010
21.	Số học	Nguyễn Tiến Tài	Nxb Giáo dục	2007
22.	Tự nhiên – Xã hội và phương pháp dạy học Tự nhiên – Xã hội ở tiểu học	Bùi Phương Nga, Nguyễn Thị Tường Loan (chủ biên)	NXB Giáo dục	2006
23.	Powerpoint	Đặng Minh Hoàng	Nxb Thống kê	2002
24.	Phân tâm học cấu trúc và lí thuyết ngôn ngữ của J. Lacan, trong Văn học hậu hiện đại, lí thuyết và thực tiễn	Châu Minh Hùng	NXB Đại học sư phạm	2013
25.	Những huyền thoại	R. Barthes	NXB Tri thức	2008
26.	Nghệ thuật Thi ca, Văn Tâm Điều Long	Aristote, Lưu Hiệp (Lê Đăng Bảng, Thành Thế Thái Bình... dịch)	Nxb Văn học	1999
27.	Những trào lưu lớn của nghệ thuật tạo hình hiện đại	Lê Năng An (biên dịch)	Nxb Văn hoá thông tin	1998
28.	Phương pháp dạy học tiếng Việt, T1 + 2	Lê A, Thành Thị Yên Mỹ, Lê Phương Nga, Nguyễn Trí, Cao Đức Tiến (1989)	Nxb GD	1899
29.	Chữ viết và dạy Chữ viết ở tiểu học	Lê A	Nxb Đại học Sư phạm	2003
30.	Luyện tập văn kể chuyện ở tiểu học	Nguyễn Trí	Nxb Giáo dục	2004
31.	Văn bản và liên kết trong tiếng Việt	Diệp Quang Ban	NXB Giáo dục	1999
32.	Giáo trình tiếng Việt 1	Lê A, Đỗ Xuân Thảo	NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.	2006
33.	Tiếng Việt	Nguyễn Đức Dân	Nxb Giáo dục, Hà Nội	
34.	Phương pháp học - thực hành tiếng Việt	Võ Bình, Lê Anh Hiền	Nxb Giáo dục, Hà Nội.	1983
35.	Cơ sở văn hoá Việt Nam	Trần Ngọc Thêm	Trường ĐHKHXH &NV TP.HCM	1997
36.	Văn miêu tả và kể chuyện	Nhiều tác giả	Nxb Giáo dục, Hà Nội	1998
37.	Hệ thống thể loại trong văn học thiếu nhi	Châu Minh Hùng & Lê Nhật Ký	Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội	2009
38.	Dạy văn cho học sinh tiểu học	Hoàng Hòa Bình	Nxb GD, Hà Nội	1998
39.	Dạy học tác phẩm văn học dành cho thiếu nhi, Tập 1	Hoàng Văn Cẩn	Nxb Giáo dục, TP HCM	2005
40.	Phương ngữ học tiếng Việt	Hoàng Thị Châu	Nxb ĐHQG Hà nội	2004
41.	Hướng dẫn thực hiện chuẩn kiến thức, kĩ năng các môn học ở Tiểu học, (Lớp 1, 2, 3, 4, 5)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Nxb GD	2009
42.	Ngữ pháp tiếng Việt, Tập II	Diệp Quang Ban	Nxb GD	1992



43.	Chương trình giáo dục phổ thông - Cấp Tiểu học	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Nxb GD	2006
44.	Phương pháp đọc diễn cảm	B.X. Naidênôp	Nxb Giáo dục	1979
45.	Tiếng Việt: Sơ thảo ngữ pháp chức năng (quyển 1)	Cao Xuân Hạo	Nxb KHXH	1991
46.	Nghệ thuật đọc diễn cảm	Vũ Nho	Nxb Thanh Niên	1999
47.	Giản yếu về ngữ pháp văn bản	Đỗ Hữu Châu, Nguyễn Thị Ngọc Diệu	Nxb Giáo dục	1996
48.	Ngữ pháp tiếng Việt T1, T2	Diệp Quang Ban	NXB Giáo dục	2001
49.	Phương pháp dạy học môn Đạo đức ở tiểu học	Đặng Vũ Hoạt & Nguyễn Hữu Hợp	NXB Giáo dục, Hà Nội	1998
50.	Giáo dục học tập I	Hà Thế Ngữ, Đặng Vũ Hoạt	NXB Giáo dục, Hà Nội	1997
51.	Lý luận dạy học đại cương	Nguyễn Ngọc Quang	Trường QLGD Hà Nội	1998
52.	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	Phạm Viêt Vượng	NXB Giáo dục, Hà Nội	2001
53.	Tâm lý học đại cương	Nguyễn Quang Uẩn	NXB Giáo dục	1995
54.	Nâng cao kiến thức tiếng Việt cho học sinh lớp 2-3-4-5	Trần Mạnh Hương, Lê Ngọc Tĩnh	NXB Giáo dục	2005
55.	Từ vựng – Ngữ nghĩa tiếng Việt	Đỗ Hữu Châu	NXB Giáo dục	2001
56.	Ngữ âm tiếng Việt	Đoàn Thiện Thuật	NXB Khoa học xã hội	1988
57.	Ngữ dụng học, tập 1 – 2	Đỗ Hữu Châu	ĐHSP HN	1997
58.	Giáo trình Tâm lý học tiểu học	Bùi Văn Huệ (chủ biên)	Nxb ĐHSP	2012
59.	Phương pháp giảng dạy âm nhạc trong nhà trường phổ thông	Phan Trần Bảng	NXB giáo dục	2000
60.	Âm nhạc phổ thông	Phạm Trọng Cầu (chủ biên), Thy Mai	Nxb giáo dục, TP Hồ Chí Minh	1997
61.	Mỹ thuật và phương pháp dạy học, tập 1	Trịnh Thiệp – Ứng Thị Châu	NXB giáo dục	1998
62.	Phương pháp dạy học kỹ thuật công nghiệp	Nguyễn Văn Bính, Nguyễn Hà Khang	Hà nội	1991
63.	Giáo trình Lao động – Kỹ thuật và phương pháp dạy học	Vũ Hải - Hoàng Hương Châu - Nguyễn Huỳnh Liễu	NXB Giáo dục	1999

## 12. Hướng dẫn thực hiện chương trình


Toàn bộ khối lượng kiến thức trong chương trình được tổ chức đào tạo tập trung trong 8 học kỳ (4 năm học).

Trong quá trình thực hiện chương trình, cần đảm bảo các yêu cầu về tính hợp lý, tính liên tục, tính kế thừa giữa các học phần; đảm bảo một tỉ lệ cân đối giữa lý thuyết và thực hành; chú trọng rèn luyện nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên./.

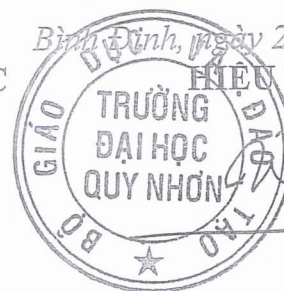
TRƯỜNG KHOA TP. ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

Bình Định, ngày 25 tháng 12 năm 2015

HIỆU TRƯỞNG

  
Lê Văn Huệ

  
TS. Lê Xuân Vinh



GS. TS. Nguyễn Hồng Anh